

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN  
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 181/2021/HNGĐ – ST

Ngày: 10 – 9 – 2021

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Phạm Xuân Khanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thanh Tân

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 344/2021/TLST – HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 07 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 325/2021/QĐST – HNGĐ ngày 13/7/2021 và Thông báo số 568/TB – TA ngày 12/8/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số X, đường số Y, khóm T, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Quý H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số X, đường số Y, khóm T, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 17/5/2021 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều M trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Quý H được người thân mai mối, ông bà tìm hiểu nhau được 03 tháng thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới tháng 11/2002 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ ngày 02/02/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sinh sống tại phường B đến cuối năm 2020 thì chuyển đến nhà số X thuộc Khu dân cư H, khóm T, phường M. Quá trình chung sống, vợ chồng bà hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H có tính tình gia trưởng và có quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác bên ngoài. Khoảng cuối năm 2020, do ông H

không kiềm chế được hành vi, cảm xúc của mình nên mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt hơn, đôi bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã và gần đây nhất là ông H đánh bà trước mặt các con. Thời gian qua, bà nhiều lần góp ý để ông H thay đổi nhưng không có kết quả. Do đôi bên không còn sự chia sẻ, cảm thông và hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà mong muốn được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng bà có 02 (hai) con chung tên Trần Ngọc H1 sinh ngày 22/8/2004 và Trần Quý H2 sinh ngày 30/4/2011. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung khi ly hôn và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***Về tố tụng:***

[1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Trần Quý H là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Long Xuyên. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, theo xác nhận của Công an phường M thể hiện, bà M cùng chồng ngụ ngụ tại địa chỉ số X, đường số Y, khóm T, phường M, thành phố Long Xuyên đã đủ cơ sở để xác định ông H có nơi cư trú hợp pháp là địa chỉ trên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của các Điều 176 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông H tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không lý do. Bà M có đơn đề ngày 23/6/2021 về việc đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

#### ***Về nội dung:***

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều M và ông Trần Quý H tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 213/KH/2002, quyển số 02, ngày 11/11/2002, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Bà M cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, đôi bên không còn sự đồng cảm, yêu thương nhau. Nguyên nhân do tính tình của ông H gia trưởng, không chia sẻ việc nuôi dạy con, không chăm sóc gia đình và có mối quan hệ không rõ ràng với phụ nữ khác. Phía ông H được Tòa án nhiều lần triệu tập, tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông H vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà M và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị

đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[5] Như vậy, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà M, ông H đã trầm trọng, đôi bên không còn quan tâm lẫn nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà M và ông H không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà M được ly hôn ông H.

[6] Về con chung: Bà M và ông H có 02 (hai) con chung tên Trần Ngọc H1 sinh ngày 22/8/2004 và Trần Quý H2 sinh ngày 30/4/2011. Xét thấy, các con chung có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của ông H về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Sau này, các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[8] **Về án phí**: Bà M phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà M đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000444 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lý trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 176, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều M được ly hôn với ông Trần Quý H.

- **Về con chung**: Bà M và ông H có 02 (hai) con chung tên Trần Ngọc H1 sinh ngày 22/8/2004 và Trần Quý H2 sinh ngày 30/4/2011. Bà M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu.

Bà M cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông H được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

**- Về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét.

**Về án phí:** Bà M phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà M đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000444 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà M và ông H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự;
- UBND p Cái Khế, quận Ninh Kiều  
Tp Cần Thơ;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Phạm Xuân Khanh**